

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-9-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Yêu và Ông Triệu Phúc Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiên Hiệp - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị M, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Bản Đoàn Kết, xã Phúc Khoa, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn N đăng ký kết hôn ngày 15/10/2020 tại UBND xã Phúc Khoa, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh N hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh N ngoại tình với người phụ nữ khác, khi bị nhắc nhở thì bị anh N mắng chửi. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Trong suốt thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ giữa chị và anh

N cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Lò Thị A, sinh ngày 02/11/2020 và Lường Thị Thanh K, sinh ngày 09/10/2022. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Lò Văn N mặc dù biết chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường Thị M và xem xét quyết định: Chị M được ly hôn với anh N; giao 02 con chung cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; không giải quyết về chia tài sản do chị M không yêu cầu; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lò Văn N có nơi cư trú tại Đoàn Kết, xã Phúc Khoa, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 28/8/2023, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Lò Văn N đăng ký kết hôn ngày 15/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Khoa, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị M và anh N hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh N hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh N ngoại tình nên không chăm lo cuộc sống gia đình. Anh N biết việc chị M xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với chị M. Vì vậy, thấy rằng khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị M và anh N tuy không quá dài, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu từ tháng 7 năm 2022 và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh chị đã không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị M không còn tình cảm yêu thương đối với anh N, anh N cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn đã thể hiện anh N cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị M. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh N đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con chung hiện nay đang ở cùng chị M và bố mẹ chị M tại bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu. Việc chăm sóc các con chung có sự hỗ trợ của bố mẹ chị M. Chị M có nguyện vọng được nuôi các con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lò

Thị A, sinh ngày 02/11/2020 và Lương Thị Thanh Kiều, sinh ngày 09/10/2022 hiện còn rất nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ. Hơn nữa, anh N không đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn cũng thể hiện anh không có trách nhiệm với các con nên cần thiết phải giao các con chung cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M được ly hôn với anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thị A, sinh ngày 02/11/2020 và Lương Thị Thanh K, sinh ngày 09/10/2022 cho chị Lương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Lò Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị M không yêu cầu anh Lò Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Lương Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001495 ngày 26/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Phúc Khoa, huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh